**Mẫu số 03b/Form No 03b[[1]](#footnote-1)**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*….., ngày ….. tháng ….. năm …..*

**Socialist Republic of vietnam**

**Independence - Freedom - Happiness**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*….., (day) ….. (month) ….. (year) …..*

**PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**

**APPLICATION FORM FOR DEREGISTRATION OF AIRCRAFT SECURITY**

Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Thông tin chung/General information** | |
| *Người yêu cầu đăng ký[[2]](#footnote-2)/Applicant* | |
| Bên nhận bảo đảm/Secured party | |
| Bên bảo đảm/Securing party | |
| Người nhận chuyển giao tài sản bảo đảm/Transferee of security assets | |
| Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Asset manager; Enterprises in charge of assets management and liquidation | |
| Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên/Civil judgment enforcement agency, Enforcer | |
| Cơ quan khác có thẩm quyền, người khác có thẩm quyền/Other competent authorities | |
| Người đại diện[[3]](#footnote-3)/Representative | |
| - Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức *(Viết chữ IN HOA)*/Full name *(in CAPITAL LETTERS):*  ............................................................................................................................................................  - Địa chỉ liên hệ/Address: ............................................................................................................................................................  Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card  Hộ chiếu/Passport  Thẻ thường trú/Permanent residence card  Mã số thuế/Tax code  Số/No ............................................................ do/issued by .......................... cấp/on ngày/(day) ..... tháng/(month) ..... năm/(year) .....  - Số điện thoại/Tel ................................. Fax *(nếu có)*: Fax *(if any)* ...............................................  Thư điện tử *(nếu có)*/Email *(if any)* ................................................................................................... | |
| **2. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp**/Certificate of Aircraft security registration Number: .......................................................................................................................... | |
| **3. Mô tả tài sản bảo đảm[[4]](#footnote-4)/Description of security asset**  - Số hiệu đăng ký/Registration Mark: ...............................................................................................  - Loại tàu bay/Type of Aircraft: ........................................................................................................  - Kiểu tàu bay/Designation of Aircraft: ............................................................................................  - Nhà sản xuất/Manufacturer: ...........................................................................................................  - Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft Serial Number: .............................................................................  - Năm xuất xưởng/Year of Delivery from the Manufacturer: ...........................................................  - Kiểu loại động cơ/Designation of Engines: ....................................................................................  - Thời điểm hình thành/Time of Formation:...................................................................................... | |
| **4. Căn cứ xóa đăng ký**/Bases of deregistration:  …………………………………………………………………………………….……………….…………………..……………………………………………………………….….….……………… | |
| **5. Giấy tờ kèm theo/Attached documents**[[5]](#footnote-5):  ...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... | |
| **6. Cách thức nhận kết quả/Method of receiving registration result** | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry  Qua dịch vụ bưu chính *(ghi tên và địa chỉ người nhận)/*By post *(specify name and address of receiver):* ......  Cách thức điện tử (*trong trường hợp pháp luật có quy định*/Electronic method (*if provided by the law):* ..............  Cách thức khác *(nếu được cơ quan đăng ký đồng ý)*/Other methods (*if agreed by the registrar*): ................. |
| **Người yêu cầu đăng ký cam kết trung thực trong kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này*/The applicant pledges to be honest and undertake full responsiblility before the law for the accuracy of the declared information in this Application****.* | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BÊN BẢO ĐẢM/SECURING PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)* | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and*  *seal (if any)* |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ KHÁC/OTHER APPLICANT[[6]](#footnote-6)/**  **(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)** *Ký, ghi rõ họ tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)* |

|  |
| --- |
| PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRAR ONLY |
| Thời điểm tiếp nhận: *.....* *giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....*  Time of application receipt:  *..... hour ..... minute, on (day) ..... (month)..... year .....*  Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*/  Receiver *(signature and full name)*: |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS FOR COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/General instructions**

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/The application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant’s signature.

**2. Kê khai tại Mục 1/Item 1**

- Đối với cá nhân/For individuals:

+ Đối với cá nhân là công dân Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai đầy đủ họ và tên, số chứng minh được cấp theo Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh quân đội trong trường hợp cá nhân này đang công tác trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Đối với cá nhân là người nước ngoài thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Đối với cá nhân là người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For a stateless person resides in Viet Nam, required information includes full name (as appearing on the permanent residence card) and number of permanent residence card.

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký là Quản tài viên thì kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ/If the applicant is an asset administrator, s/he shall declare further her/his title, professional practice certificate number, issuing organ of the certificate and issuing time (day, month, year).

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký là chấp hành viên, người khác có thẩm quyền thì kê khai thêm chức danh, đơn vị công tác/If the applicant is an enforcer or other competent authority, she/he shall declare further her/his title and working agency.

- Đối với tổ chức: Kê khai tên đầy đủ của tổ chức, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế/For an organization: required information includes full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate).

+ Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before “Representative” option and declare information about name and address of the branch.

+ Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân mà người yêu cầu đăng ký là bên bảo đảm thì kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP./If the security assets are properties of a sole proprietorship and the applicant is the securing party, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

**3. Kê khai tại mục 2/Item 2**

Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm do cơ quan đăng ký cấp/Number of the certificate of aircraft security registration issued by the registrar.

**4. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal**

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

1. Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trường hợp có nhiều người yêu cầu đăng ký thì thông tin về từng người yêu cầu đăng ký kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu này/If there are multiple applicants, information of each applicant is required. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trường hợp này người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative shall check both the box before “Representative” and the appropriate box before the type of the principal. [↑](#footnote-ref-3)
4. Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm thì thông tin về từng tài sản bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If there are multiple security assets, information of each security asset is required. [↑](#footnote-ref-4)
5. Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Declare documents required in registration record according to the provisons of Decree No. 99/2022/ND-CP. [↑](#footnote-ref-5)
6. Người yêu cầu xóa đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Applicant as described in Clause 3 Article 8 Decree No. 99/2022/ND-CP. [↑](#footnote-ref-6)